

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG TRÔM
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2024/HS-ST
Ngày: 26-8-2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Yên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Đức Tâm;
2. Ông Đỗ Thanh Tuyền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Minh Thơ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Tuyết Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 8 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 36/2024/TLST-HS ngày 30 tháng 7 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 41/2024/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 8 năm 2024, đối với bị cáo:

Nguyễn Thị Cẩm T, sinh năm 1985 tại tỉnh Bến Tre; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp S, xã N, huyện G, tỉnh Bến Tre; Chỗ ở hiện nay: ấp P, xã N, huyện G, tỉnh Bến Tre; Nghề nghiệp: buôn bán; Trình độ văn hoá: 01/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: nữ; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1958 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1958; Từng sống chung như vợ chồng với ông Giáp Võ Huy P (không rõ năm sinh) và ông Phạm Cao Đ, sinh năm 1985; Con: có 02 người con, lớn nhất sinh năm 2009, nhỏ nhất sinh năm 2015; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 26/3/2024 cho đến nay.

*** Người bào chữa cho bị cáo:**

Ông Nguyễn Minh K – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Bến Tre.

Địa chỉ: Phường A, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

*** Bị hại:**

Ông Phạm Cao Đ, sinh năm 1985;

Nơi cư trú: ấp S, xã N, huyện G, tỉnh Bến Tre.

** Người làm chứng:*

Bà Nguyễn Thị Thúy N, sinh năm 1979;

Nơi cư trú: ấp P, xã N, huyện G, tỉnh Bến Tre.

(Tất cả có mặt, riêng bà N vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Nguyễn Thị Cẩm T và bị hại ông Phạm Cao Đ sống chung như vợ chồng và có con chung tên Phạm Nguyễn Ngọc Q, sinh năm 2015. Đến khoảng năm 2020, bị cáo T và bị hại ông Đ không còn sống chung nữa, bị cáo thuê nhà để sống cùng bé Q tại ấp P, xã N, huyện G, tỉnh Bến Tre. Giữa bị cáo T và bị hại ông Đ thường xuyên cãi nhau liên quan đến việc nuôi bé Q.

Khoảng 13 giờ 00 phút ngày 18/02/2023, khi bị cáo T đang đi đám giỗ tại nhà người bạn thì nhận được điện thoại của bé Q vừa khóc vừa nói là “mẹ ơi, về”. Bị cáo T nghĩ là bị hại ông Đ ghé nhà dẫn bé Q đi nên bị cáo liền đi về nhà. Đến nhà, bị cáo T nghe tiếng bé Q khóc trong nhà, bị cáo nhìn thấy 01 (một) con dao (loại dao gọt trái cây) để phía trước nhà, bị cáo lấy con dao bỏ vào túi sau bên phải của quần jean đang mặc để phòng thân trong trường hợp bị hại ông Đ đánh bị cáo. Bị cáo T bước vào phòng ngủ, thấy bị hại ông Đ đang kéo bé Q đi, bé Nguyễn Thị Thanh T1, sinh năm 2009 (là con của bị cáo) đang gỡ tay bị hại ra nên bị cáo vào can không cho bị hại dẫn bé Q đi. Bị cáo T nói với bị hại ông Đ là “Khi nào tỉnh rồi xuống chở Q đi, sin rồi chở đi không lo gì được” thì bị hại chửi bị cáo, bị hại đẩy bị cáo vào vách phòng ngủ rồi dùng tay đánh bị cáo, bị cáo dùng tay đánh trả về phía bị hại. Bị hại ông Đ dùng một tay bóp cổ bị cáo T thì lúc này có bà Nguyễn Thị Thúy N (làm ở bưu điện đối diện nhà bị cáo thuê) chạy sang kêu bị hại buông ra. Bị hại ông Đ buông bị cáo T ra, bị cáo cùng bé T1, bé Q theo chị N sang bưu điện.

Lúc này, bị hại ông Đ đứng trước cửa nhà thuê của bị cáo T vẫn chửi bị cáo về việc không cho đón con, bị hại còn đòi chém chồng của bà N. Bị cáo T nhớ trong nhà để nhiều dao, sợ bị hại ông Đ lấy dao chém người khác nên bị cáo đi trở lại cất giấu hết dao trong nhà. Sau khi cất dao xong trở ra, khi đi ngang qua gần chỗ bị hại ông Đ đứng, bị hại tiếp tục chửi và dùng tay đánh về phía bị cáo T một cái nhưng bị cáo né được nên không trúng. Bị cáo T nói “mày đánh tao nữa, tao đâm mày”, bị hại ông Đ không trả lời mà xông vào dùng tay đánh hai - ba cái trúng vào vùng đầu của bị cáo. Liền lúc đó, bị cáo T dùng tay phải rút con dao từ túi quần sau bên phải ra đâm trúng vào vùng bụng của bị hại ông Đ một cái, bị hại bỏ chạy. Sau đó, Công an xã N, huyện G, tỉnh Bến Tre mời bị cáo T về làm việc, bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội, đồng thời đưa bị hại ông Đ đến Bệnh viện Đ, tỉnh Bến Tre để điều trị thương tích.

Vật chứng tạm giữ: 01 (một) con dao chiều dài 15cm, cán dao bằng nhựa màu vàng dài 09cm, lưỡi bằng kim loại màu sáng trắng dài 06cm, mũi dao nhọn, lưỡi dao bị

cong có dính nhiều vết màu nâu, là hung khí bị cáo T sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện G, tỉnh Bến Tre tiếp tục tạm giữ để xử lý theo quy định pháp luật.

Tại Kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số 191/23/KLTTCT-TTPYBT ngày 22/6/2023 của Trung tâm Pháp y tỉnh Bến Tre kết luận: Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của bị hại ông Đ là 12%, cơ chế hình thành thương tích do vật sắc nhọn gây ra.

Tại Kết luận giám định lại lần thứ nhất tổn thương cơ thể trên người sống số 283/KLTTCT-C09B ngày 02/02/2024 của Phân viện Khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh kết luận: Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của bị hại ông Đ là 12%.

Quá trình điều tra, bị cáo T khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với lời khai của bị hại, lời khai của người làm chứng, kết quả khám nghiệm hiện trường, kết luận giám định, vật chứng thu giữ và các chứng cứ khác do Cơ quan điều tra thu thập.

Về trách nhiệm dân sự: bị cáo T đã thanh toán toàn bộ chi phí điều trị cho bị hại ông Đ, bị hại không yêu cầu bồi thường gì thêm.

Tại Bản cáo trạng số 37/CT-VKSGT ngày 27 tháng 7 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre đã truy tố bị cáo T về tội "Tội cố ý gây thương tích" theo quy định tại điểm đ khoản 2 (thuộc trường hợp điểm a khoản 1) Điều 134 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà:

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Giữ nguyên quan điểm truy tố về tội danh, đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo T phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

- Về trách nhiệm hình sự:

Áp dụng điểm đ khoản 2 (thuộc trường hợp điểm a khoản 1) Điều 134; các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự: Đề nghị xử phạt bị cáo T có mức án từ 02 (hai) năm đến 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 04 (bốn) năm đến 05 (năm) năm.

Hình phạt bổ sung: không áp dụng.

- Về trách nhiệm dân sự:

Đề nghị ghi nhận bị cáo T đã thanh toán xong cho bị hại ông Đ toàn bộ chi phí điều trị, bị hại không yêu cầu bồi thường gì thêm.

- Về xử lý vật chứng, biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Đề nghị tịch thu, tiêu hủy: 01 (một) con dao chiều dài 15cm, cán dao bằng nhựa màu vàng dài 09cm, lưỡi bằng kim loại màu trắng dài 06cm, mũi dao nhọn, lưỡi dao bị cong có dính nhiều vết màu nâu, do đây là hung khí bị cáo T sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội.

Bị cáo T khai nhận hành vi phạm tội như nội dung Bản cáo trạng đã nêu. Bị cáo đồng ý với kết luận giám định; không khiếu nại gì đối với các hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Bị cáo đã thanh toán xong cho bị hại ông Đ toàn bộ chi phí điều trị. Bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt, xin được hưởng án treo để được ở ngoài lo cho con còn nhỏ.

Bị hại ông Đ khai sự việc như nội dung Bản cáo trạng đã nêu. Ông đồng ý với kết luận giám định; không khiếu nại gì đối với các hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Về trách nhiệm hình sự: ông xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo T, xin cho bị cáo được hưởng án treo. Về trách nhiệm dân sự: bị cáo T đã thanh toán xong cho ông toàn bộ chi phí điều trị, ông không yêu cầu bồi thường gì thêm.

Người bào chữa cho bị cáo T là ông K trình bày: Ông thống nhất với tội danh, điều luật, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và mức án mà Viện kiểm sát đã đề nghị. Ông đề nghị Hội đồng xét xử xem xét hoàn cảnh của bị cáo T để cho bị cáo mức án thấp nhất mà Viện kiểm sát đã đề nghị, cho bị cáo được hưởng án treo với thời gian thử thách thấp nhất mà Viện kiểm sát đã đề nghị, để bị cáo được ở ngoài lo cho con còn nhỏ theo nguyện vọng của bị cáo và của ông Đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre; Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre; Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Thị Cẩm T và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng:

Việc vắng mặt của người làm chứng bà N tại phiên tòa, bị cáo T và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến gì, Viện kiểm sát đề nghị xét xử vắng mặt bà N. Xét thấy, trong quá trình điều tra, người làm chứng bà N đã có lời khai đầy đủ, rõ ràng thể hiện trong hồ sơ vụ án và việc vắng mặt của bà N không gây trở ngại cho việc xét xử nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà N là phù hợp theo quy định tại Điều 293 Bộ luật tố tụng hình sự.

[3] Về tội danh: Bị cáo T có lời khai tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố; phù hợp với lời khai của bị hại và phù hợp với lời khai của những người tham gia tố tụng khác; phù hợp với kết luận giám định, biên bản khám nghiệm hiện trường, bản ảnh và các chứng cứ khác đã thu thập được trong hồ sơ vụ án. Từ đó có đủ cơ sở xác định: Khoảng 13 giờ 30 phút ngày 18/02/2023, tại ấp P, xã N,

huyện G, tỉnh Bến Tre, xuất phát từ việc cự cãi giành quyền nuôi con chung, giữa bị cáo T và bị hại ông Đ xảy ra xô xát; bị hại dùng tay đánh bị cáo thì bị cáo dùng dao là hung khí nguy hiểm đâm một cái trúng vào vùng bụng của bị hại gây thương tích với tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích là 12%. Khi thực hiện hành vi trên, bị cáo T có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Do đó, hành vi của bị cáo T đã đủ yếu tố cấu thành “Tội cố ý gây thương tích” với tình tiết là “dùng hung khí nguy hiểm” theo quy định tại điểm đ khoản 2 (thuộc trường hợp điểm a khoản 1) Điều 134 Bộ luật Hình sự. Vì vậy, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre và lời buộc tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa đối với bị cáo T là có căn cứ, đúng người, đúng tội và phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội:

Quyền được an toàn về sức khỏe là một trong những quyền cơ bản của công dân, được pháp luật ghi nhận và bảo vệ. Người nào xâm phạm đến sức khỏe người khác một cách trái pháp luật, đủ điều kiện theo quy định của pháp luật hình sự sẽ bị áp dụng chế tài nghiêm khắc nhất. Hành vi của bị cáo T đã xâm phạm đến sức khỏe của người khác, không những gây nguy hiểm cho xã hội, hoang mang trong nhân dân, mà còn làm ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự. Do đó, cần áp dụng mức hình phạt phù hợp, tương xứng với tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo T gây ra.

[5] Xét về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về nhân thân, bị cáo T chưa có tiền án, tiền sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo T thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải; bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại cho bị hại ông Đ; bị cáo có cha ruột tên Nguyễn Văn B là Thương binh hạng $\frac{3}{4}$; bị cáo đang nuôi con nhỏ; bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, bị hại có một phần lỗi. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự mà bị cáo T được hưởng.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, bị cáo T không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Như vậy, căn cứ vào nhân thân, tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo T gây ra, xét thấy bị cáo chưa có tiền án, tiền sự; bị cáo có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự và không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự; bị cáo có nơi cư trú rõ ràng; bị hại có một phần lỗi, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và xin cho bị cáo được hưởng án treo. Đồng thời, xét thấy không cần phải bắt bị cáo T chấp hành hình phạt tù mà cho hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách, giao bị cáo cho chính quyền nơi cư trú phối hợp với gia đình giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách cũng đủ răn đe, giáo dục bị cáo, đồng thời thể hiện tính nhân đạo, khoan hồng của pháp luật. Do đó, căn cứ vào Điều 65 Bộ luật hình sự, Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo và Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân

dân Tối cao về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo, quyết định cho bị cáo T được hưởng án treo.

Căn cứ điểm d khoản 1 Điều 125 của Bộ luật tố tụng Hình sự, hủy bỏ Lệnh cấm khỏi nơi cư trú số 20/2024/LCĐKNCT-TA ngày 30/7/2024 của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm đối với bị cáo T.

[6] Hình phạt bổ sung: Không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo T.

[7] Về trách nhiệm dân sự:

Bị cáo T đã thanh toán xong cho bị hại ông Đ toàn bộ chi phí điều trị, bị hại không yêu cầu bồi thường gì thêm nên ghi nhận.

[8] Về xử lý vật chứng:

Đối với 01 (một) con dao chiều dài 15cm, cán dao bằng nhựa màu vàng dài 09cm, lưỡi bằng kim loại màu sáng trắng dài 06cm, mũi dao nhọn, lưỡi dao bị cong có dính nhiều vết máu nâu, do bị cáo T dùng thực hiện hành vi phạm tội, không còn giá trị sử dụng nên tịch thu, tiêu hủy.

[10] Về án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (hai trăm nghìn) đồng do bị cáo Tú phải nộp. Tuy nhiên, bị cáo T thuộc diện hộ nghèo và có yêu cầu xin được miễn toàn bộ án phí nên được miễn toàn bộ án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[11] Lời phát biểu luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa đối với bị cáo T về tội danh; điều luật áp dụng; nhân thân; tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; mức hình phạt áp dụng đối với bị cáo, trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng là phù hợp với quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Cẩm T phạm tội “Cố ý gây thương tích” .

Căn cứ vào điểm đ khoản 2 (thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 1) Điều 134; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự; Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo; Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Cẩm T 02 (hai) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 04 (bốn) năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm là ngày 26/8/2024.

Giao bị cáo Nguyễn Thị Cẩm T cho Ủy ban nhân dân xã N, huyện G, tỉnh Bến Tre để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo Nguyễn Thị Cẩm T có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo (Nguyễn Thị Cẩm T) có ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo (Nguyễn Thị Cẩm T) phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trường hợp bị cáo Nguyễn Thị Cẩm T thay đổi nơi cư trú, nơi làm việc thì thực hiện theo Điều 68 và khoản 3 Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

2. Về biện pháp ngăn chặn: Căn cứ điểm d khoản 1 Điều 125 của Bộ luật tố tụng Hình sự.

Hủy bỏ Lệnh cấm khỏi nơi cư trú số 20/2024/LCĐKNCT-TA ngày 30/7/2024 của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm đối với bị cáo Nguyễn Thị Cẩm T.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu, tiêu hủy: 01 (một) con dao chiều dài 15cm, cán dao bằng nhựa màu vàng dài 09cm, lưỡi bằng kim loại màu trắng dài 06cm, mũi dao nhọn, lưỡi dao bị cong có dính nhiều vết màu nâu.

(Theo biên bản giao, nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 23/8/2024, hiện Chi cục thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Bến Tre quản lý).

4. Về án phí: Căn cứ vào Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Bị cáo Nguyễn Thị Cẩm T được miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo:

Bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Giồng Trôm;
- Cơ quan điều tra Công an huyện Giồng Trôm;
- Cơ quan THAHS Công an huyện Giồng Trôm;
- Chi cục THADS huyện Giồng Trôm;
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre;
- UBND xã N, huyện G;
- Bị cáo; bị hại;
- Bộ phận thi hành án hình sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Phương Yến

